

Bản án số: 26/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 12-3-2025

V/v “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản
sau ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Nguyễn Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:***
Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Từ ngày 11-3-2025 đến ngày 12-3-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 911/2022/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản sau ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/QĐXX - ST ngày 16 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 25-12-2024; thông báo mở phiên Tòa ngày 03-03-2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Tống Thị C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 855 F22 Bình Giã, phường x, thành phố y. tỉnh z(có mặt).

* Bị đơn: Ông Phan Văn Huê, sinh năm 1972

Địa chỉ: 219 B1 Nguyễn Hữu Cảnh, phường x, thành phố y. tỉnh z (vắng mặt đến lần thứ hai).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1-Bà Phan Thị Vân, sinh năm 1960

Địa chỉ: 219 /1 B1 Nguyễn Hữu Cảnh, phường x, thành y,tỉnh z(vắng mặt đến lần thứ hai).

2- Ông Đinh Hồ Điệp, sinh năm 1951

Địa chỉ: 45 Trung Nhị, phường Quang T, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Y (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, bà Tống Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố x giải quyết như sau:

Bà Tống Thị C và ông Phan Văn H giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận sơ thẩm số 406/2012/HNGĐ-ST ngày 21-11-2012 của Tòa án nhân dân thành phố x.

Quyết định ghi nhận như sau: Về hôn nhân bà Tống Thị C và ông Phan Văn H thuận tình ly hôn; về con chung bà C, ông H có 03 con chung là Phan Thị Lan A sinh năm 1993; Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 01-02-1996 và Phan Hoàng Hả, sinh ngày 26-5-1997.

Ông H được quyền trực tiếp nuôi hai con Phan Thị Mỹ L và Phan Hoàng Hả; ông H không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn như sau:

Chia tài sản chung yêu cầu Tòa án giải quyết là giá trị quyền sử dụng đất, một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, diện tích 96,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố x cấp ngày 18-12-2001, cho ông Đinh Hồ Đ mà ông H, bà C nhận chuyển nhượng của ông Đ năm 2004 theo giá trị mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản.

- Bị đơn ông Phan Văn H trình bày: Ông Huê không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Ông H cho rằng diện tích đất 96m² mua của ông Đ có cả chị ông Huê là Phan Thị V cùng mua. Nay ông H chỉ đồng ý chia khi trừ 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) ông H vay để nuôi con.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị V có yêu cầu độc lập như sau: Bà V cho rằng có bỏ tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cùng em trai là Phan Văn H và em dâu là Tống Thị C mua đất của ông Đinh Hồ Đ. Diện tích đất bà V mua là 36m², diện tích đất này bà V đã làm nhà cấp IV.

Nay bà V có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận 36m² đất, một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường 10, thành phố x thuộc quyền sử dụng của bà V.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hồ Đ trình bày: Ông Đ không quen biết thân thích gì với bà Ct, ông H và bà V.

Năm 2003 ông Đ có đất bán và vợ chồng ông H và C cần mua nên ông Đ bán lô đất (ngang 5 mét x 19 mét) với giá 74.000.000đ (Bảy mươi bốn triệu đồng) cho ông H, bà C.

Năm 2004 ông H, bà C xây nhà có báo với ông Đ, ông Đ từ Bắc vào và đo lại đất bán cho ông H, bà Ct thì phát hiện ông H, bà C có lấn chiều ngang là 7 cm do đó (ngang thành 5,07 mét x 19 mét). Ông H, bà C phải trả ông Đ thêm 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), ông Đ viết lại giấy chuyển nhượng năm 2004, giấy chuyển nhượng năm 2003 đã hủy bỏ. Ông Đ đã nhận đủ tiền và giao đất cho ông H,

bà Clàm nhà ở từ năm 2004. Ông Đ cho biết giấy chuyển nhượng ghi ngày 05-3-2002(bút lục 23), không phải chữ ký của ông Đ, chữ ký giả.

Ông Đ xác định chỉ bán diện tích đất theo giấy chuyển nhượng ngày 24-9-2004 cho vợ chồng ông H, bà C. Ông Đ không biết bà V là ai, khi mua bán cũng không thỏa thuận là có bà Vân mua chung. Ông Đ có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt ông Đp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều 239, 243, 248, 249, 250 và 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà C đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Huê, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V không chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tổng Thị C với bị đơn ông Phan Văn H.

[2.1] Chia tài sản chung là quyền sử dụng một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, diện tích 96,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001, cho ông Đinh Hồ Điệp theo giá trị (96,7 m² x 15.500.000đ/1 m² = 1.498.850.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Chia đôi; bà C, ông H mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị: 1.498.850.000đ : 2 = 749.425.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Ông H có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị là 749.425.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) cho bà Tổng Thị C.

[2.2] Ông Phan Văn H được quyền đồng sử dụng một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, diện tích là 96,7m² trong tổng diện tích 492m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 với ông Đinh Hồ Đ sau khi hoàn trả cho nguyên đơn bà C số tiền 749.425.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) bà C được hưởng.

[2.3] Tại phiên Tòa nguyên đơn bà C bổ sung yêu cầu khởi kiện là công nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 24-9-2024 giữa ông Đinh Hồ Đ và ông Phan Văn H là có hiệu lực và công nhận 96,7m² bà C, ông Huê được quyền sử dụng việc bổ sung yêu cầu không vượt quá yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu độc lập của bà Phan Thị V đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vì bà V vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

[4] Án phí DSST: Bà Tổng Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[5] Án phí DSST có giá gạch: Bà Tổng Thị C và ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch về việc chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu; Nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp yêu cầu chia tài sản sau ly hôn giữa bà Tổng Thị C và ông Phan Văn H. Các đương sự hiện cư trú thành phố Vũng, tỉnh Tàu, tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 2191B Lưu Chí Hiếu, phường x, thành phố y, tỉnh z, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố x; Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Phan Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị V vắng mặt đến lần thứ hai không lý do Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị V.

Đối với ông Đinh Hồ Đ người chuyển nhượng đất cho bà C, ông H hiện tích đất chuyển nhượng chưa sang tên cho người nhận chuyển nhượng do đó Hội đồng xét xử xác định ông Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Năm 2013 nguyên đơn bà Tổng Thị Ct và ông Phan Văn H được Tòa án nhân dân thành phố x giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận ly hôn số 406/2012/HNST-HNGĐ ngày 21-11-2012. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tổng Thị C và ông Phan Văn H thuận tình ly hôn; về con chung: Bà C, ông H có Ba con chung là Phan Thị Lan A, sinh năm 1993(đã trưởng thành); Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 01-02-1996 và Phan Hoàng Hả, sinh ngày 26-5-1997: ông H được quyền trực tiếp nuôi con Phan Thị Mỹ L và Phan Hoàng Hả; về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà C, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 13-10-2022 Tòa án thụ lý vụ kiện chia tài sản chung sau ly hôn. Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn bà C bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu công nhận nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 24-9-2024 giữa ông Đinh Hồ Đ và ông Phan Văn H là có hiệu lực và công nhận 96,7m² bà Ct, ông H được quyền sử dụng việc bổ sung yêu cầu không vượt quá yêu cầu khởi kiện xét chấp nhận căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3.1] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất giữa bà C và ông H đây là vụ án tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn.

Nguyên đơn bà Tống Thị C cung cấp chứng cứ cho Tòa án nhân dân thành phố x Quyết định công nhận sự thỏa thuận ly hôn số 406/2013/QĐST-TTLH ngày 21-11-2012 đã có hiệu lực pháp luật. Tài sản chung các đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; nay giữa bà C và ông H tranh chấp tài sản chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố x.

Tại phiên Toà hôm nay nguyên đơn bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, diện tích 96,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001, cho ông Đinh Hồ Điệp theo giá trị (96,7 m² x 15.500.000đ/1 m² = 1.498.850.000đ(Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Chia đôi bà C, ông H mỗi người được $\frac{1}{2}$ giá trị 1.498.850.000đ : 2 = 749.425.000đ(Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Tại phiên Toà hôm nay ông vắng mặt để lần thứ hai không lý do.

Tài liệu, chứng cứ Toà án thu thập:

+ Biên bản thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 28-3-2024; thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, diện tích 96,7m² thuộc một phần diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 (BL 57, 58).

+ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22-4-2024 (BL 57,58);

+ Biên bản đo vẽ tài sản ngày 22-4-2024 (BL 59, 60);

+ Biên bản định giá tài sản ngày 22-4-2024 (BL 55,56);

+ Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu ban hành ngày 15-01-2025 (BL 60C).

Hội đồng xét thấy: Căn cứ theo giá do Hội đồng định giá ngày 22-4-2024 giá trị tài sản tranh chấp giữa nguyên đơn bà Tống Thị C và ông Phan Văn H có giá trị quy ra bằng tiền Việt Nam đồng như sau:

Giá 1m² đất nông nghiệp theo giá thị trường tại thời điểm tranh chấp là 15.500.000đ/1m².

96,7 m² x 15.500.000đ/1 m² = 1.498.850.000đ(Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét thấy; bị đơn ông Phan Văn H cho rằng tài sản chung của vợ chồng chỉ có 58m² và đồng ý chia khi trừ đi 400.000.000đ(Bốn trăm triệu đồng) ông H vay để nuôi con là không có căn cứ bởi lẽ ông Đinh Hồ Đ là chủ đất xác nhận là bán cho vợ chồng ông H, bà C chứ không bán cho bà V như ông H và bà V trình bày Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp, thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 cho ông Đinh Hồ Đ là tài sản chung của bà Tống Thị C và ông Phan Văn H.

[3.2] Hội đồng xét xử xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị V:

Yêu cầu công nhận cho bà V được quyền sử dụng 36m² trong tổng số 96,7m² có nguồn gốc chuyển nhượng một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 của ông Đinh Hồ Đ xét thấy: Tại phiên Tòa ngày 25-12-2024 và tại phiên Tòa ngày hôm nay bà V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do Hội đồng xét xử căn cứ điểm c Điều 217, khoản 2 Điều 218 và điểm d khoản 2 Điều 227 đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phan Thi V.

Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

+ Đối với yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 24-9-2004 giữa người chuyển nhượng là ông Đinh Hồ Điệp. Người nhận chuyển nhượng là ông Phan Văn H chồng của bà C.

Nội dung ông Đ chuyển nhượng cho ông H, bà C diện tích đất 96,33m², thuộc thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, một phần trong tổng diện tích 492m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 cho ông Đinh Hồ Điệp với giá 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng).

Ông Đ đã nhận đủ tiền và giao đất cho ông H, bà C sử dụng và làm nhà ở từ năm 2004 cho đến nay.

Xét thấy; về mặt hình thức của hợp đồng thì các bên đã lập bằng văn bản thể hiện rõ nội dung quyền nghĩa vụ các bên giao kết các bên chỉ vi phạm là không qua công chứng chứng thực việc chuyển nhượng.

Xét thấy; trong vụ án này các bên không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng, đương sự chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng có hiệu lực và công nhận quyền được sử dụng diện tích đất các bên đã chuyển nhượng do đó căn cứ khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên có hiệu lực pháp luật; ông Phan Văn H và bà Tống Thị C được quyền đồng sử dụng diện tích 96,7m², thuộc thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, một phần trong tổng diện tích 492m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 cho ông Đinh Hồ Đ.

Tại phiên Tòa bà C tự nguyện rút yêu cầu chia vật kiến trúc trên đất là căn nhà cấp IV và chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu công nhận hợp đồng có hiệu lực xét chấp nhận.

Xét yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 cho ông Đinh Hồ Đ bà C và ông H được quyền đồng sử dụng, nay chia tài sản chung theo hình thức chia bằng giá trị xét thấy:

Hội đồng xét thấy: Căn cứ theo giá do Hội đồng định giá ngày 22-4-2024 giá 1m² đất theo giá thị trường tại tranh chấp là 15.500.000đ/1 m²; tới ngày xét xử

đã qua năm 2025 giá đất theo thị trường có sự biến động nhưng nguyên đơn bà Ch�t không yêu cầu định giá lại.

Giá trị tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn là giá trị quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Tống Thị Ch�t và bị đơn ông Phan Văn Huệ quy ra bằng tiền Việt Nam đồng như sau:

$96,7 \text{ m}^2 \times 15.500.000\text{đ}/1 \text{ m}^2 = 1.498.850.000\text{đ}$ (Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Từ những nhận định trên: Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ áp dụng Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 105, Điều 106 Bộ luật dân sự năm 2015 và căn cứ khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị C đối với bị đơn ông Phan Văn H:

+ Chia tài sản chung là diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp, thuộc một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 theo giá trị;

Nguyên đơn bà Tống Thị C và ông Phan Văn H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị của tài sản là quyền sử dụng đất được chia là 749.425.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 ông Phan Văn H là người trực tiếp sử dụng nay ông Phan Văn H tiếp tục được quyền đồng sử dụng diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 với ông Đinh Hồ Đ và được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy đồng sử dụng với ông Đ sau khi ông H hoàn trả cho bà C số tiền 749.425.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) bà C được hưởng.

(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất tỷ lệ 1/500 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập và phát hành ngày 15-01-2025)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Án phí HNST: Căn cứ Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Tống Thị C và ông Phan Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản Tòa án giải quyết như sau:

[4.1] Bà Tống Thị C phải chịu 33.977.000đ (Ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), bà C còn phải nộp 16.977.000đ (Mười sáu triệu

chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự có giá ngạch và còn phải chịu 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí không có giá ngạch.

[4.2] Bị đơn ông Phan Văn H phải chịu 33.977.000đ(Ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Cách tính án phí (Từ 400.000.000đ đến 800.000.000đ là 20.000.000đ + 4% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 400.000.000đ).

[4.3] Bà Phan Thị V là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

[5] Chi phí tố tụng hết 6.992.000đ(Sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng) phí tố tụng mỗi đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ nguyên đơn bà C đã nộp tạm ứng do đó bị đơn ông Phan Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà C số tiền là 3.496.000đ(Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1,2 Điều 28, Điều 35, căn cứ điểm c Điều 217, khoản 2 Điều 218 và điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 105, Điều 106 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ;căn cứ khoản 1 Điều 64 Luật đất đai năm 2014; căn cứ điểm đ Điều 12 và Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị C đối với bị đơn ông Phan Văn H.

[1.1] Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24-9-2004 giữa ông Đinh Hồ Đ và ông Phan Văn H có hiệu lực pháp luật; ông Phan Văn H và bà Tống Thị C được quyền đồng sử dụng diện tích 96,7m², thuộc một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19 trong tổng diện tích 492m² theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp ngày 18-12-2001 cho ông Đinh Hồ Đ.

[1.2] Chia tài sản chung là giá trị Quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Tống Thị C và ông Phan Văn H theo giá trị, mỗi người được hưởng giá trị của tài sản chia là 749.425.000đ(Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp,thuộc một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 ông Phan Văn H là người trực tiếp sử dụng, nay ông Phan Văn H tiếp tục được quyền đồng sử dụng diện tích đất 96,7m², loại đất nông nghiệp, thuộc một phần thửa đất 957, tờ bản đồ số 19, trong tổng diện tích 492m² theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số T 954842 với ông Đinh Hồ Đ; ông H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền đồng sử dụng đất với ông Đ sau khi ông H hoàn trả cho bà C số tiền 749.425.000đ(Bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) bà C được hưởng.

(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất tỷ lệ 1/500 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập và phát hành ngày 15-01-2025)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Đình chỉ yêu cầu chia tài sản vật kiến trúc là căn nhà trên đất.

[1.4] Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Vân.

[4] Án phí HNST:

[4.1] Bà Tổng Thị C phải chịu 33.977.000đ (Ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Chắt đã nộp 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), bà C còn phải nộp 16.977.000đ (Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí không có giá ngạch.

[4.2] Bị đơn ông Phan Văn H phải chịu 33.977.000đ (Ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

[4.3] Bà Phan Thị V là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

[5] Chi phí tố tụng hết 6.992.000đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng) phí tố tụng, mỗi đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$, nguyên đơn bà C đã nộp tạm ứng do đó bị đơn ông Phan Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà C số tiền là 3.496.000đ (Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng) chi phí tố tụng.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án đương sự vắng mặt 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc

